

Số: 39 /2020/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 25 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước  
năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và áp dụng đối với năm ngân sách 2021. Bãi bỏ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định cơ chế quản lý, điều hành ngân sách năm 2020 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Tài chính (đề b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, KT (Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Trung**



**QUY ĐỊNH**

**Cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước  
năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 39 /2020/QĐ-UBND ngày 25/12/2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

**Chương I**

**CƠ CHẾ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**Điều 1. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước**

Căn cứ vào dự toán thu ngân sách đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị và quyết định giao dự toán thu chi ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Thuế cùng với Sở Tài chính và các ngành có liên quan thông báo dự toán thu ngân sách chi tiết cho các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi là cấp huyện) và các đơn vị (bao gồm cả thu phí, lệ phí).

**Điều 2. Quản lý thu ngân sách nhà nước**

1. Sau khi giao dự toán thu ngân sách, Cục Thuế và Cục Hải quan Nghệ An chủ trì phối hợp với các cấp, các ngành chức năng tổ chức triển khai nhiệm vụ thu ngân sách và chống thất thu thuế, xử lý nợ đọng thuế và các chế độ, chính sách thu khác có liên quan.

2. Việc quản lý thu, sử dụng phí và lệ phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí. Các khoản thu từ phí, lệ phí phải sử dụng biên lai thu do ngành Thuế quản lý. Đối với những khoản thu của xã ngoài thuế phải sử dụng biên lai do Bộ Tài chính quy định tại Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 về hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã cùng các văn bản hiện hành khác, cụ thể:

a) Đối với các cơ quan, đơn vị được giao dự toán thu phí, lệ phí

Phải lập dự toán chi tiết về nội dung thu; tổng số thu, số nộp ngân sách, số được khấu trừ và trích lại theo quy định của pháp luật; chi tiết dự toán chi ngân sách của cơ quan, đơn vị theo lĩnh vực gửi cơ quan chủ quản (nếu có) và cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định trình cấp có thẩm quyền quyết định vào dự toán thu chi ngân sách nhà nước (sau đây gọi là NSNN) cùng cấp. Đồng thời, phải thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời vào NSNN các khoản thu phát sinh. Trên cơ sở dự toán được giao, cơ quan tài chính căn cứ dự toán được giao để phân bổ cho cơ quan, đơn vị được hưởng.

b) Đối với các cơ quan, đơn vị không được giao dự toán thu phí, lệ phí

Toàn bộ các khoản thu, sau khi khấu trừ chi phí trang trải cho việc thu phí, lệ phí theo chế độ, định mức chi được pháp luật quy định, phần còn lại nộp NSNN (bao gồm các khoản thu phí, lệ phí từ các hoạt động dịch vụ công).

c) Các cơ quan, đơn vị, địa phương không hạch toán các khoản thu phí, lệ phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí vào NSNN. Khoản chi phí hoạt động hoặc xác định khoản trích lại của các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện. Nộp ngân sách nhà nước đối với khoản phí, lệ phí còn lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Các khoản thu xử phạt do vi phạm hành chính của các cơ quan, đơn vị thực hiện theo các Thông tư của Bộ Tài chính: số 153/2013/TT-BTC ngày 31/10/2013 về quy định về thủ tục thu, nộp tiền phạt, biên lai thu phạt và kinh phí từ NSNN đảm bảo hoạt động của các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính; số 105/2014/TT-BTC ngày 07/8/2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 153/2013/TT-BTC ngày 31/10/2013; số 173/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 về hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính đều phải nộp vào NSNN 100% và điều tiết theo phân cấp quản lý thu.

4. Tiền sử dụng đất, phần nộp NSNN theo quy định hiện hành, được điều tiết và phân chia cho các cấp ngân sách theo quy định. Ngân sách các cấp sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất được hưởng để chi cho các nhiệm vụ sau: Bồi thường, giải phóng mặt bằng, Quỹ phát triển đất, Quỹ địa chính (đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng giá đất); quy hoạch; thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới; đối ứng các dự án; bổ sung nguồn vốn đầu tư công tập trung; trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước; trả nợ gốc và lãi, các khoản phí vay, trả nợ mua xi măng làm đường giao thông nông thôn và các nội dung có tính chất đầu tư khác. Trong đó, phải đảm bảo cơ cấu nguồn vốn chi đầu tư phát triển đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ.

Thu tiền sử dụng đất năm 2021 được điều tiết như sau:

a) Các khu đất được tính quy hoạch đấu giá, giao đất để tạo nguồn vốn đầu tư những công trình, dự án; đất các khu đô thị và các dự án bất động sản, Cục Thuế Nghệ An chỉ đạo các Chi cục Thuế phối hợp với Kho bạc nhà nước điều tiết 100% về ngân sách tỉnh (hạch toán vào mục 1400, tiểu mục 1449). Định kỳ, căn cứ đề nghị của cấp huyện, Sở Tài chính cấp lại ngân sách cấp huyện (bao gồm cả phần ngân sách cấp xã, phường, thị trấn (sau đây viết gọi là cấp xã)) hưởng theo tỷ lệ quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đất quy hoạch đấu giá do UBND cấp huyện, cấp xã triển khai thực hiện; đất xen dầm; đất khác (không bao gồm đất quy định tại điểm a khoản 4 Điều này) điều tiết theo quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 31/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020; số 10/2017/NQ-HĐND

ngày 13/7/2017 về việc bổ sung Điều 5 Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh; số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 về việc sửa đổi, bổ sung quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 về việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021 và các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 77/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020; số 63/2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc bổ sung Điều 9 Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 77/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Nghệ An; số 50/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 77/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh); số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 về việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021 (hạch toán vào mục 1400, tiểu mục tương ứng).

5. Đối với chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng quy hoạch đấu giá đất ở, cho thuê đất, thuê mặt nước (sau đây gọi là tiền đầu tư hạ tầng):

a) Đối với cấp tỉnh

Sở Tài chính phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh lập kế hoạch về cho thuê mặt đất, mặt nước, tiền sử dụng đất các khu đô thị, các dự án kinh doanh bất động sản, dự án phát triển nhà ở và các dự án tạo nguồn vốn đầu tư các công trình trọng điểm của tỉnh bao gồm tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng và tiền đầu tư hạ tầng trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

Tiền sử dụng đất, tiền cho thuê mặt đất, mặt nước ghi thu ngân sách được điều tiết như sau: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%;

b) Đối với cấp huyện, cấp xã

Dự toán thu tiền sử dụng đất giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chưa bao gồm phần tiền sử dụng đất để chi đầu tư hạ tầng. Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã lập dự toán thu tiền sử dụng đất và chi đầu tư phát triển trình Hội đồng nhân dân cùng cấp theo quy định ngoài số thu tiền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

Tiền sử dụng đất (phần đầu tư hạ tầng) ghi thu được điều tiết như sau:

- Các khu đất do Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy hoạch đấu giá: Ngân sách cấp huyện hưởng 100%;

- Các khu đất do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quy hoạch đấu giá: Ngân sách cấp xã hưởng 100%;

Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp phát sinh việc nhà đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định chưa bố trí nhiệm vụ chi bồi thường, giải phóng mặt bằng tương ứng, Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 52 Luật NSNN năm 2015 trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất để làm cơ sở hạch toán thu, chi NSNN.

6. Các cơ quan được giao nhiệm vụ thu, đặc biệt là cơ quan Thuế, Hải quan phải thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Kho bạc nhà nước tổ chức quản lý, tập trung nguồn thu vào NSNN, thực hiện công tác kiểm tra, đối chiếu đảm bảo tất cả các nguồn thu ngân sách phải được tập trung đầy đủ, kịp thời vào quỹ NSNN theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính: số 328/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu NSNN qua Kho bạc Nhà nước; số 184/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 quy định thủ tục về kê khai, bảo lãnh tiền thuế, thu nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác, đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; số 84/2016/TT-BTC ngày 17/6/2016 hướng dẫn thủ tục nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản thuế và thu nội địa.

Các ngành, các cấp lập kế hoạch và biện pháp tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phấn đấu phát triển sản xuất kinh doanh để tăng thu ngân sách. Có giải pháp tích cực thực hiện thu ngân sách ngay từ những tháng đầu, quý đầu của năm 2021.

7. Các khoản thu đã phân cấp cho ngân sách cấp nào thì phần tăng thu ngân sách cấp đó được hưởng theo tỷ lệ điều tiết và được sử dụng theo quy định hiện hành.

8. Đối với khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Văn bản liên ngành số 2668/LS:TC-TNMT-NNPTNT ngày 26/9/2016 của liên sở: Tài chính - Tài nguyên và Môi trường - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An (ngân sách tỉnh hưởng 100%).

9. Các khoản thu ngân sách thực hiện điều tiết theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 31/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020; số 10/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017; số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 về việc sửa đổi, bổ sung quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày

16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 về việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021 và các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 77/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020; số 63/2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc bổ sung Điều 9 Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 77/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Nghệ An; số 50/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 77/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh); số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 về việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021.

### **Điều 3. Quỹ tài chính ngoài ngân sách và các khoản huy động đóng góp của nhân dân**

1. Tất cả các khoản huy động đóng góp của nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nào quyết định hoặc thực hiện thu không đúng thẩm quyền sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu đóng góp của nhân dân để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phải sử dụng biên lai thu tiền theo quy định tại Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã. Việc tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, phường, thị trấn thực hiện theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 thực hiện dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn; Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 20/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý nhà nước trong thực hiện các loại quỹ và các khoản huy động đóng góp của nhân dân trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án huy động xin ý kiến cấp ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân cùng cấp thống nhất chủ trương, giải pháp trước khi tổ chức thực hiện. Quá trình huy động đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng tại xã, phường, thị trấn phải được công khai tài chính theo quy định.

#### **3. Đối với các quỹ tài chính ngoài ngân sách**

a) Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải lập báo cáo tình hình thu, chi tài chính và xây dựng kế hoạch thu, chi tài chính năm kế hoạch của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

b) Quỹ Bảo trợ trẻ em thực hiện theo Thông tư số 87/2008/TT-BTC ngày 08/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng Quỹ bảo trợ trẻ em;

c) Quỹ Đền ơn đáp nghĩa thực hiện theo Nghị định số 45/2006/NĐ-CP ngày 28/4/2006 của Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý và sử dụng Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 31/01/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành quy chế hoạt động của Ban quản lý và sử dụng Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" tỉnh Nghệ An;

d) Quỹ Phòng, chống thiên tai thực hiện theo Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về quy định thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

## **Chương II**

### **CƠ CHẾ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

#### **Điều 4. Nguyên tắc chung**

1. Căn cứ văn bản giao, thông báo dự toán chi NSNN của cấp có thẩm quyền, các đơn vị dự toán cấp I tiến hành phân bổ và giao dự toán chi ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo khớp đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao. Các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ chi theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; cơ quan tài chính và Kho bạc nhà nước thực hiện chi trả, thanh toán các khoản chi NSNN theo nguyên tắc, chế độ hiện hành.

2. Ngân sách cấp huyện không được bố trí các khoản chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề và sự nghiệp y tế thấp hơn số Ủy ban nhân dân tỉnh giao và Sở Tài chính thông báo.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện không được bố trí dự phòng ngân sách cấp xã thấp hơn so với dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao và Sở Tài chính thông báo.

4. Không sử dụng sự nghiệp ngành bổ sung kinh phí cho các hoạt động mà theo quy định chức năng, nhiệm vụ đơn vị phải thực hiện và nằm trong định mức chi hành chính đã giao. Căn cứ dự kiến phân bổ kinh phí sự nghiệp ngành đã thống nhất với Sở Tài chính và tiến độ thực hiện nhiệm vụ chi, chế độ chính sách hiện hành, các ngành giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc sử dụng.

5. Ngân sách tỉnh chỉ hỗ trợ các dự án đầu tư ngoài kế hoạch đầu tư công năm 2021 khi đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công về điều kiện bố trí vốn.

6. Tiền lương, các khoản phụ cấp tăng thêm cho cán bộ, công chức khi nhà nước điều chỉnh tăng mức lương tối thiểu, trong khi ngân sách chưa cấp bổ sung kinh phí, các cơ quan, đơn vị được tạm ứng nguồn kinh phí tự chủ được giao trong dự toán để thực hiện chi trả (tạm ứng không quá 3 tháng mức tiền lương điều chỉnh tăng thêm). Kinh phí được hoàn trả nguồn đã tạm ứng khi được NSNN cấp bổ sung.

7. Ban hành các cơ chế, chính sách của địa phương (theo thẩm quyền) liên quan đến chi ngân sách nhà nước

a) Việc ban hành và thực hiện các cơ chế, chính sách của địa phương liên quan đến chi ngân sách phải dựa trên cơ sở chính sách, chế độ chung của nhà nước, phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính phù hợp với khả năng cân đối

của ngân sách, thời gian ban hành chính sách phải phù hợp với thời gian xây dựng, điều chỉnh dự toán ngân sách;

b) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm. Cơ chế chính sách liên quan đến ngành nào thì giao ngành đó chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính (nếu bố trí trong nguồn chi thường xuyên), phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư (nếu bố trí trong nguồn chi đầu tư xây dựng cơ bản) rà soát, thẩm định về mức độ đảm bảo nguồn ngân sách, chỉ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt khi thẩm định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đảm bảo tính khả thi;

c) Trường hợp cần thiết ban hành chính sách (ngoài các chế độ, tiêu chuẩn do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương ban hành) để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, cần tính toán để phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương và đảm bảo phù hợp với thẩm quyền theo quy định. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp theo quy định.

### **Điều 5. Phân bổ, giao dự toán chi ngân sách nhà nước**

1. Năm 2021, dự toán chi thường xuyên NSNN đảm bảo một phần nhu cầu tiền lương tăng thêm năm 2021 và các chế độ, chính sách Trung ương bổ sung mục tiêu. Hết ngày 30 tháng 6 năm 2021, các ngành, các đơn vị dự toán tính toán nhu cầu kinh phí còn thiếu gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình Bộ Tài chính cấp bổ sung.

Đối với chi đầu tư phát triển: Giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mục lục NSNN.

2. Trong quá trình quyết định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách, trường hợp Hội đồng nhân dân quyết định dự toán thu ngân sách được hưởng theo chế độ quy định cao hơn mức cấp trên giao, dự toán chi bố trí tăng thêm tương ứng (không kể tăng chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất), sau khi dành 70% thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, phần còn lại ưu tiên để thực hiện những nhiệm vụ, chế độ, chính sách quan trọng được cấp có thẩm quyền quyết định, xử lý thanh toán nợ khối lượng xây dựng cơ bản theo chế độ quy định, bổ sung dự phòng ngân sách cấp mình để chủ động trong quá trình điều hành ngân sách.

3. Kinh phí phân bổ sau được sử dụng để chi cho các nhiệm vụ mà đầu năm chưa đủ điều kiện để phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị. Khi phát sinh nhiệm vụ chi, các đơn vị, các ngành tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân bổ. Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính giao bổ sung dự toán cho các đơn vị.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành, các đơn vị có liên quan tính toán, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án giảm trừ phần NSNN hỗ trợ chi thường xuyên các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên theo lộ trình điều chỉnh học phí theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định

về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 53/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 quy định về mức thu học phí trong các cơ sở giáo dục – đào tạo công lập thuộc tỉnh Nghệ An quản lý từ học kỳ II năm học 2016 – 2017 đến năm học 2020 – 2021 và số 13/2019/NQ-HĐND ngày 25/9/2019 sửa đổi, bổ sung Mục III Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016.

Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập làm nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh, đối với các khoản chi được kết cấu trong giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại các Thông tư của Bộ Y tế: số 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp; số 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế và Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 11/11/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức giá dịch vụ khám, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

5. Căn cứ vào dự toán chi ngân sách đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn và Quyết định giao dự toán thu chi ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh, ủy quyền cho Sở Tài chính và các ngành có liên quan giao, thông báo dự toán chi ngân sách cho các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị trực thuộc.

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Phòng Tài chính – Kế hoạch quyết định, thông báo giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách;

Các đơn vị dự toán cấp I tiến hành phân bổ và giao dự toán chi ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc gửi cơ quan tài chính cùng cấp, đồng thời gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để thực hiện theo đúng quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và Điều 13 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không thống nhất với yêu cầu của cơ quan tài chính thì đơn vị dự toán cấp I báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

6. Tiếp tục thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế

công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác và các Nghị định hướng dẫn khác.

Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng (hoặc sửa đổi, bổ sung) danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN và định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở ban hành giá dịch vụ; tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc phạm vi quản lý, báo cáo cấp thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời rà soát, báo cáo cấp thẩm quyền quyết định chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thành công ty cổ phần khi có đủ điều kiện.

7. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với tất cả các Sở, các đơn vị hành chính cấp tỉnh; giao Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai đối với tất cả các đơn vị hành chính cấp huyện theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và các văn bản khác có liên quan.

## **Điều 6. Chi đầu tư phát triển**

### **1. Nguồn vốn chi đầu tư phát triển**

#### **a) Nguồn vốn chi đầu tư phát triển của ngân sách tỉnh**

- Vốn đầu tư phát triển tập trung do Nhà nước phân bổ từ ngân sách Trung ương (bao gồm vốn trong nước và vốn ngoài nước);

- Tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh hưởng ưu tiên để chi trả nợ gốc, trả phí và lãi vay đầu tư, chi bồi thường giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng cơ bản (sau đây gọi là XDCB) tập trung, các nhiệm vụ quy hoạch bao gồm các hoạt động được thực hiện để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch;

- Vốn đầu tư Chương trình bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương;

- Nguồn thu từ Xổ số kiến thiết;

- Huy động của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của Chính phủ;

- Viện trợ không hoàn lại, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh để đầu tư xây dựng cơ bản;

- Các khoản vay để đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 7 Luật NSNN năm 2015;

- Các nguồn vốn khác (nếu có) theo chế độ quy định.

b) Nguồn vốn chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp huyện

- Tiền sử dụng đất được hưởng theo tỷ lệ điều tiết;

- Hỗ trợ đầu tư XDCB từ ngân sách cấp trên;

- Viện trợ không hoàn lại, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện để đầu tư xây dựng cơ bản;

- Các nguồn vốn khác (nếu có) theo chế độ quy định.

c) Nguồn vốn chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp xã

- Tiền sử dụng đất được hưởng theo tỷ lệ phân chia;

- Hỗ trợ đầu tư XDCB từ ngân sách cấp trên;

- Viện trợ không hoàn lại, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp xã để đầu tư xây dựng cơ bản;

- Các nguồn vốn khác (nếu có) theo chế độ quy định.

d) Vốn đầu tư XDCB của cấp huyện và cấp xã, phần được để lại tiền sử dụng đất theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh phải ưu tiên bố trí thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp, kiên cố hoá kênh mương thuỷ lợi, giao thông nông thôn (kể cả phần để trả nợ tiền vay về kiên cố hoá kênh mương, giao thông nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng làng nghề và nuôi trồng thuỷ sản, trả nợ vay các nhà máy xi măng), trả nợ khối lượng XDCB trong kế hoạch đã hoàn thành của cấp huyện và cấp xã, bố trí đối ứng các dự án thuộc Chương trình mục tiêu và thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011, Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013; quy định tại Điều 12 của Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2021, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2021-2023. Đối với phần vốn bố trí cho lĩnh vực Giáo dục đào tạo và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đảm bảo theo định hướng cơ cấu của tỉnh.

UBND cấp huyện dành tối thiểu 50% tiền sử dụng đất phần ngân sách cấp huyện hưởng để hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới. Riêng đối với các đơn vị cấp huyện đã hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới, căn cứ tình hình thực tế của địa phương để bố trí nguồn hỗ trợ các xã, thị trấn cho phù hợp.

## 2. Quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư XDCB

### a) Quản lý, thanh toán vốn đầu tư XDCB

- Quản lý, thanh toán vốn đầu tư của các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn NSNN; các dự án đầu tư sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có sử dụng nguồn vốn NSNN tập trung, các dự án quy hoạch theo các Thông tư của Bộ Tài chính: số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, số 108/2016/TT-BTC ngày

30/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016; số 52/2018/TT-BTC ngày 24/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 và số 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 và Công văn số 12873/BTC-ĐT ngày 25/10/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thanh toán vốn đầu tư cho nhiệm vụ quy hoạch;

- Quản lý các công trình sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và các văn bản hiện hành của Nhà nước. Các đơn vị phải hoàn chỉnh các hồ sơ về chủ trương đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật trước ngày 30/6 năm dự toán để có cơ sở thông báo phân bổ dự toán;

- Chế độ báo cáo: Thực hiện theo Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

#### b) Quyết toán vốn đầu tư XDCB

Quyết toán vốn đầu tư thực hiện trong năm kế hoạch thực hiện theo các Thông tư của Bộ Tài chính: số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN, số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 quy định việc quyết toán vốn đầu tư nguồn NSNN theo niên độ ngân sách hàng năm;

#### c) Quyết toán dự án hoàn thành

- Tất cả các dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN, vốn trái phiếu, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của các Tổng công ty nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng phải quyết toán vốn đầu tư;

Chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt ngay sau khi công trình hoàn thành theo quy định tại Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính về quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước; Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Công văn số 13496/BTC-ĐT ngày 09/10/2017 của Bộ Tài chính về việc xử lý dứt điểm tình trạng tồn đọng quyết toán các dự án hoàn thành từ năm 2005 đến năm 2014 do không đủ hồ sơ quyết toán;

- Thực hiện các giải pháp tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước theo quy định tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 25/4/2014 của UBND tỉnh trong quyết toán dự án hoàn thành đối với các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu thi công theo danh sách công bố công khai của Ủy ban nhân dân tỉnh, như: Không giao dự án mới cho chủ đầu tư, ban quản lý dự án có dự án nộp chậm từ 24 tháng trở lên theo quy định về thời gian lập báo cáo quyết toán; không bố trí kế hoạch vốn để thanh toán số vốn

còn thiếu các dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 12 tháng trở lên; không cho phép nhà thầu đang có hợp đồng vi phạm quy định về thời gian lập báo cáo quyết toán tham gia đấu thầu dự án mới; đưa nội dung công tác quyết toán dự án hoàn thành làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua, khen thưởng; tạm thời đình chỉ công tác Trưởng ban và Kế toán trưởng Ban quản lý dự án để tập trung vào lập báo cáo quyết toán công trình hoàn thành;

- Chế độ báo cáo: Thực hiện theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính về quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

d) Khắc phục, xử lý tình trạng nợ đọng XDCB trên địa bàn

- Thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025 tỉnh Nghệ An; các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng XDCB tại địa phương, số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng XDCB từ nguồn NSNN, Trái phiếu Chính phủ, số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 về tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước, số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng XDCB nguồn vốn đầu tư công và Chỉ thị số 25/CT-UBND ngày 25/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng XDCB trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Các ngành, các cấp thực hiện rà soát, báo cáo và chịu trách nhiệm về số liệu nợ đọng XDCB của đơn vị mình. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp số nợ XDCB, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm ưu tiên bố trí trả nợ theo kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ưu tiên bố trí nguồn vốn trả nợ các dự án do huyện, xã quản lý và các dự án tỉnh quản lý nhưng có phần đối ứng ngân sách huyện, xã theo cơ cấu nguồn vốn đã được phê duyệt tại quyết định đầu tư dự án. Đồng thời có trách nhiệm huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán nợ phát sinh sau ngày 31/12/2014 theo quy định của Luật Đầu tư công;

- Các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh phải được cơ quan có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi quyết định chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công;

- Sở Tài chính tổng hợp số nợ XDCB toàn tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp tham mưu xử lý nợ đối với các dự án trong Kế hoạch đầu tư công tập trung được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

đ) Về quản lý tạm ứng vốn đầu tư

Không cho phép nhà thầu đang có số dư tạm ứng vượt quá thời hạn thu hồi tạm ứng tham gia đấu thầu dự án mới. Đối với các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án

có số dư tạm ứng vượt thời hạn, Kho bạc nhà nước Nghệ An tạm dừng thanh toán chi phí hoạt động của dự án (trừ lương và phụ cấp lương);

Kho bạc nhà nước Nghệ An chịu trách nhiệm đôn đốc chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện kiểm tra vốn đã tạm ứng để thu hồi ngay những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích.

e) Quản lý tạm ứng ngân quỹ nhà nước thực hiện theo Thông tư số 23/2020/TT-BTC ngày 13/04/2020 của Bộ Tài chính quy định tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của NSNN.

Định kỳ trên cơ sở thông báo thu phí tạm ứng ngân quỹ nhà nước của Kho bạc nhà nước Nghệ An, uỷ quyền cho Giám đốc Sở Tài chính căn cứ dự toán trả phí, lãi vay đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt để thanh toán phí tạm ứng ngân quỹ nhà nước theo quy định. Định kỳ 6 tháng, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Kho bạc Nhà nước Nghệ An tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

## **Điều 7. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề**

### **1. Chi sự nghiệp giáo dục**

a) Đối với sự nghiệp giáo dục cấp tỉnh: Căn cứ dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, văn bản giao và thông báo của Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc và thông báo công khai để các đơn vị biết. Sở Tài chính phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát chặt chẽ các khoản thu chi tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác thẩm tra xét duyệt quyết toán hàng năm theo chế độ quy định;

### **b) Đối với sự nghiệp giáo dục cấp huyện**

Trên cơ sở dự toán tỉnh giao, phòng Giáo dục và đào tạo phối hợp phòng Tài chính - Kế hoạch lập dự toán chi tiết cho các cấp học (mầm non, tiểu học, phổ thông cơ sở, trung học cơ sở, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và phòng Giáo dục và đào tạo); phòng Tài chính - Kế hoạch lập dự toán cho các trường trung học phổ thông báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ dự toán cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn;

Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cụ thể các nội dung chi sự nghiệp giáo dục trong dự toán đã giao cho các huyện, thành phố, thị xã;

### **c) Một số nội dung chi thực hiện như sau:**

- Chi khen thưởng giáo viên giỏi và học sinh giỏi đạt thành tích cao thực hiện theo quy định hiện hành;

- Các chế độ quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Kinh phí thực hiện chế độ thâm niên đối với nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

- Chính sách hỗ trợ giáo dục đối với người khuyết tật thực hiện theo quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính và Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định danh mục nghề và mức chi hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Chính sách về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo các Nghị định của Chính phủ: số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021; số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 53/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 quy định về mức thu học phí trong các cơ sở giáo dục - đào tạo công lập thuộc tỉnh Nghệ An quản lý từ học kỳ II năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021; số 13/2019/NQ-HĐND ngày 25/9/2019 Sửa đổi, bổ sung mục III khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn thực hiện theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ và Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khoảng cách, địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người thực hiện theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ;

- Kinh phí hỗ trợ chế độ tiền lương cho giáo viên mầm non hợp đồng và một số chế độ khác cho giáo viên mầm non thực hiện theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non;

- Học bổng cho sinh viên theo chế độ cử tuyển; học sinh trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú; học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật thực hiện theo quy định tại Nghị định số 84/2020 ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

- Chế độ thẻ dự trữ thực hiện theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chế độ chi trả cho giáo viên dạy môn giáo dục Quốc phòng thực hiện theo Thông tư số 15/2015/TTLT-BGD&ĐT-BLĐT-BXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 16/7/2015 của Bộ Giáo dục và đào tạo - Bộ Lao động - Thương binh và xã hội - Bộ Quốc phòng - Bộ Công an - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính;

- Chính sách hỗ trợ phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính;

- Chính sách đối với giáo viên không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định số 86/2007/QĐ-UBND ngày 20/7/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định đánh giá xếp loại giáo viên và chính sách cho giáo viên không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ;

- Kinh phí hỗ trợ các cơ sở giáo dục được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia thực hiện theo Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Chế độ đối với giáo viên đi học nâng cao trình độ thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ NSNN dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Nghệ An;

- Kinh phí dạy học 02 buổi/ngày tại các trường phổ thông dân tộc nội trú thực hiện theo Quyết định số 5671/QĐ-UBND.VX ngày 02/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo, kinh phí hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trẻ mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã khó khăn vùng bãi ngang ven biển thực hiện theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

- Chế độ hỗ trợ nhân viên các trường phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông dân tộc nội trú; định mức khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh

trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Nghệ An thực hiện theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Một số chế độ thực hiện mang tính chất đặc thù đã được bố trí kinh phí trong dự toán: Kinh phí hỗ trợ học sinh THPT ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện theo Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ (kinh phí còn thiếu). Kinh phí kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia; chế độ công tác phí cho công tác viên thanh tra thuộc các trường Trung học phổ thông và trung tâm Giáo dục thường xuyên (có quyết định phê duyệt của Sở Giáo dục và Đào tạo)...

d) Tất cả các khoản thu, chi từ nguồn thu học phí (bao gồm cả kinh phí miễn, giảm học phí theo các Nghị định của Chính phủ: số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 và số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 do ngân sách cấp bù) và các khoản thu khác (nếu có), thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

## 2. Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

a) Đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo khác được cân đối trong dự toán ngân sách tỉnh. Kinh phí đào tạo không bố trí đối với học đại học tại chức theo nghiệp vụ chuyên môn để chuẩn hoá cán bộ, người đi học phải tự túc hoàn toàn kinh phí;

b) Một số khoản chi thực hiện như sau

- Kinh phí đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ cán bộ, công chức thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính và Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Nghệ An;

- Kinh phí đào tạo của ngân sách cấp huyện đã được bố trí để chi hoạt động của Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, các Trường Trung cấp Kinh tế kỹ thuật thuộc cấp huyện quản lý; chi đào tạo và đào tạo lại cán bộ, công chức. Đối với các huyện miền núi và các huyện có xã miền núi đã bao gồm kinh phí tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số;

Đối với kinh phí mở các lớp dạy sơ cấp và trung cấp nghề thuộc cấp huyện quản lý: Căn cứ chỉ tiêu dạy nghề tỉnh giao được ngân sách hỗ trợ, các đơn vị lập dự toán chi tiết của từng lớp học kèm theo hồ sơ mở lớp gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung kinh phí cho các đơn vị;

- Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn được bố trí riêng để đối ứng kinh phí sự nghiệp theo đề án thực hiện Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg về hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng. Sở Lao động, Thương binh và xã hội tổng hợp, gửi Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ để thực hiện;

- Kinh phí thực hiện một số chính sách đã bố trí trong dự toán các trường cấp tỉnh, cấp bổ sung mục tiêu qua ngân sách cấp huyện:

+ Chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chính sách về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo các Nghị định của Chính phủ: số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 và số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 53/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 và Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 25/9/2019;

c) Tất cả các khoản thu, chi từ nguồn thu học phí (bao gồm cả kinh phí miễn, giảm học phí theo các Nghị định của Chính phủ: số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 và số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 do ngân sách nhà nước cấp bù) và các khoản thu khác (nếu có), thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

### **Điều 8. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**

1. Sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách và văn bản giao, thông báo dự toán ngân sách năm của Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ dự toán được giao phân bổ dự toán tới từng đơn vị và thông báo công khai để các đơn vị biết.

2. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện theo các văn bản sau:

a) Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/1/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

b) Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

c) Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

d) Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 30/12/2015 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng NSNN;

đ) Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 22/4/2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng NSNN;

e) Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

g) Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

h) Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2025;

i) Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về ban hành Định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

k) Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quyết định quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

3. Đối với chi khoa học và công nghệ cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ưu tiên bố trí kinh phí hỗ trợ triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ, trong đó ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

### **Điều 9. Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**

#### **1. Đối với sự nghiệp y tế, dân số và gia đình cấp tỉnh**

Căn cứ dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và văn bản giao, thông báo dự toán của Sở Tài chính, Sở Y tế phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc. Sở Tài chính phối hợp với Sở Y tế kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản thu chi tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác thẩm tra xét duyệt quyết toán hàng năm theo chế độ quy định;

#### **2. Đối với sự nghiệp y tế, dân số và gia đình cấp huyện**

a) Căn cứ dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, hướng dẫn của Sở Tài chính, phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện phân bổ kinh phí và giao dự toán cho Trung tâm y tế cấp huyện và đã bao gồm hỗ trợ quỹ lương khối khám, chữa bệnh, đã được tạm giao vào cân đối chi ngân sách sự nghiệp y tế cấp huyện và sẽ được điều chỉnh trên cơ sở thực hiện kết quả thu được phần quỹ lương đã được kết cấu trong giá dịch vụ;

b) Kinh phí thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại các cơ sở khám chữa bệnh theo Quyết định số 124/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh quy định thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với cán bộ y tế hành nghề khám, chữa bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Nghệ An; hỗ trợ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế theo Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 11/11/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ kinh phí khuyến khích các xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2020; hỗ trợ quỹ lương khối khám, chữa bệnh (nếu thiếu) theo Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp; kinh phí tăng giường bệnh; kinh phí thực hiện Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; kinh phí thực hiện các chính sách y tế, dân số do tỉnh ban hành: Sở Y tế chủ trì tổng hợp, thẩm định, gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định để chi trả cho các đối tượng;

Đối với chế độ đi học, trợ cấp ban đầu và trợ cấp ra khỏi vùng cho cán bộ y tế công tác ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ: Ngay sau khi có quyết định cho cán bộ chuyển vùng hoặc nghỉ hưu, thủ trưởng đơn vị phải quyết định giải quyết chế độ trợ cấp ra khỏi vùng đặc biệt khó khăn từ nguồn chênh lệch quỹ lương giữa người ra khỏi vùng đặc biệt khó khăn với quỹ lương của người được tuyển dụng thay thế. Ngân sách tỉnh hỗ trợ phần kinh phí còn thiếu.

c) Kinh phí chi phòng, chống dịch và vệ sinh an toàn thực phẩm đã được ngân sách tỉnh cân đối trong dự toán ngân sách cấp huyện. UBND cấp huyện chủ động phân bổ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ.

### 3. Quản lý các khoản thu, chi kinh phí khám, chữa bệnh

a) Tất cả các khoản thu, chi từ nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh và các khoản thu khác (nếu có), đơn vị phải thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Đối với các khoản thu chi của các trạm y tế xã, Trung tâm y tế huyện theo dõi và quản lý theo đúng quy định;

b) Các Bệnh viện được Bảo hiểm xã hội hợp đồng quyết toán kinh phí khám chữa bệnh tại trạm y tế cấp xã có trách nhiệm chuyển số kinh phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế phân trạm y tế xã được hưởng vào tài khoản tiền gửi của Trung tâm y tế trên địa bàn mở tại Kho bạc nhà nước (chi tiết đến từng xã, phường, thị trấn);

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo các Bệnh viện được Bảo hiểm xã hội hợp đồng quyết toán kinh phí khám chữa bệnh tại trạm y tế cấp xã chuyển kịp thời kinh phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế phân trạm y tế xã được hưởng vào tài khoản tiền gửi của Trung tâm y tế;

c) Trạm y tế cấp xã có trách nhiệm báo cáo Trung tâm y tế toàn bộ các khoản thu từ hoạt động khám, chữa bệnh để Trung tâm y tế quản lý, sử dụng, quyết toán theo chế độ quy định. Trường hợp để ngoài sổ sách các khoản thu, Trạm trưởng trạm y tế phải chịu trách nhiệm trước pháp luật;

4. Kinh phí chi hỗ trợ người nghèo khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo Quyết định số 61/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành quy định hỗ trợ một phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

### 5. Chi mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng do NSNN đảm bảo

Thực hiện theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, các văn bản hướng dẫn Nghị định số 146/2018/NĐ-CP; Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân công, phân cấp quản lý mua, cấp phát thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được NSNN đóng, hỗ trợ đóng trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc rà soát, thẩm định, lập danh sách các đối tượng, cấp thẻ bảo hiểm y tế kịp thời.

Trong đó:

a) Chi mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được NSNN đảm bảo 100% đã được bổ sung có mục tiêu trong dự toán ngân sách cấp huyện. Trên cơ sở báo

cáo quyết toán của Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổng hợp của Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung kinh phí còn thiếu (nếu có) cho các đơn vị.

b) Chi mua thẻ bảo hiểm y tế cho học sinh sinh viên: Căn cứ hồ sơ có liên quan, ngân sách tỉnh sẽ cấp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh.

c) Chi mua thẻ bảo hiểm y tế cho người cận nghèo hộ nông lâm ngư diêm nghiệp có mức sống trung bình (bao gồm nguồn địa phương tại Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025): Ngân sách tỉnh cấp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh sau khi Bộ Tài chính duyệt cấp kinh phí cho tỉnh.

## **Điều 10. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**

### **1. Đối với chi sự nghiệp môi trường cấp tỉnh**

Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về bố trí ngân sách và thông báo dự toán ngân sách trong năm của Sở Tài chính, kinh phí sự nghiệp môi trường thuộc ngành nào thì ngành đó căn cứ dự toán phối hợp với Sở Tài chính phân bổ chi tiết cho từng nhiệm vụ chi và đơn vị sử dụng trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định để làm căn cứ thực hiện. Các ngành phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản thu chi tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác thẩm tra xét duyệt quyết toán hàng năm theo chế độ quy định.

### **2. Đối với chi sự nghiệp môi trường cấp huyện, xã**

Chi sự nghiệp môi trường cấp huyện, xã thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện, xã được cân đối trong tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện, xã. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương UBND cấp huyện, xã trình HĐND cùng cấp để quyết định phân bổ, giao dự toán chi cho phù hợp; trong đó ưu tiên bố trí kinh phí thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt nhất là vùng nông thôn.

3. Quỹ bảo vệ môi trường Nghệ An thực hiện theo Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 13/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan quản lý, điều hành sử dụng Quỹ theo quy định tại Quyết định số 81/2012/QĐ-UBND ngày 19/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Nghệ An.

4. Chi sự nghiệp môi trường thực hiện theo quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 về phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

b) Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

## **Điều 11. Chi sự nghiệp kinh tế**

### **1. Đối với chi sự nghiệp kinh tế cấp tỉnh**

Sau khi có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách và văn bản giao, thông báo dự toán ngân sách năm của Sở Tài chính, các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tư pháp và các ngành có liên quan căn cứ dự toán được giao phân bổ dự toán tới từng đơn vị và thông báo công khai để các đơn vị biết. Sở Tài chính phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản thu chi tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác thẩm tra xét duyệt quyết toán hàng năm theo chế độ quy định.

## 2. Đối với chi sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính, kinh tế khác cấp huyện

Các khoản chi sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính, kinh tế khác... của cấp huyện là nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp huyện, đã được cân đối trong tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện, do cấp huyện điều hành trên nguyên tắc đảm bảo kinh phí chi hoạt động của bộ máy các đơn vị thuộc khối sự nghiệp kinh tế cấp huyện quản lý và các hoạt động sự nghiệp của địa phương (chi kiến thiết thị chính; chi công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chi duy tu bảo dưỡng, làm đường giao thông, thủy lợi thuộc huyện quản lý; chi xây dựng mô hình kinh tế; chi sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản; chi sự nghiệp kinh tế khác,...); căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương UBND cấp huyện trình HĐND cùng cấp để quyết định phân bổ, giao dự toán chi cho phù hợp.

3. Chi thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn, thủy sản và ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An thực hiện theo các văn bản sau:

a) Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 14/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017, số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018, số 06/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019; số 02/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 và Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các văn bản khác có liên quan;

b) Căn cứ quyết định phân bổ kinh phí của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính cấp phát cho các ngành, các đơn vị thuộc cấp tỉnh, cấp phát kinh phí cho cấp huyện bằng hình thức bổ sung có mục tiêu qua ngân sách huyện để quản lý và thanh quyết toán theo quy định hiện hành;

c) Ngân sách tỉnh hỗ trợ trong phạm vi kinh phí đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ. Trường hợp thực hiện vượt kế hoạch, cấp huyện và các đơn vị chịu trách nhiệm tự cân đối bổ sung từ nguồn ngân sách của mình, ngân sách tỉnh không bổ sung thêm.

4. Chi thực hiện trợ giá báo và các ấn phẩm của cơ quan Đảng, nhuận bút Báo Nghệ An

a) Chi thực hiện trợ giá báo và các ấn phẩm của cơ quan Đảng gồm: trợ giá xuất bản tờ tin nội bộ (do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phát hành), Bản tin của Đảng ủy các doanh nghiệp Nghệ An, Bản tin của Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Nghệ An; kinh phí cấp báo Nhân dân, báo Nghệ An đến các đối tượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo hướng dẫn của Tỉnh ủy;

Sở Tài chính phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, căn cứ vào số lượng đối tượng được hưởng, giá thành các ấn phẩm đã được phê duyệt để phân bổ kinh phí;

b) Quỹ nhuận bút Báo Nghệ An thực hiện theo Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí và xuất bản và các văn bản hướng dẫn của Tỉnh ủy. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Sở Tài chính quyết toán kinh phí hỗ trợ quỹ nhuận bút theo nguyên tắc ngân sách hỗ trợ sau khi đã cân đối tổng các nguồn thu được bổ sung cho Quỹ nhuận bút (nguồn thu từ quảng cáo, phát hành báo,...), tiến tới lộ trình giao Báo Nghệ An tự cân đối kinh phí để hoạt động;

c) Kinh phí cấp không Báo Tiền phong cho các Chi đoàn đặc biệt khó khăn 03 huyện theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP: Sở Tài chính thông báo kinh phí để Tỉnh đoàn Nghệ An đặt mua báo cho các Chi đoàn đặc biệt khó khăn của 3 huyện Tương Dương, Kỳ Sơn và Quế Phong.

#### 5. Chi cho công tác quy hoạch

Chi cho công tác quy hoạch thực hiện theo quy định tại Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14/3/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch. Nguồn vốn kinh phí thường xuyên để thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và điều chỉnh quy hoạch theo quy định khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/08/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13/09/2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn chi quy hoạch đã được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp kinh tế, kết hợp chặt chẽ với việc phân bổ nguồn vốn chi chuẩn bị đầu tư đã bố trí trong dự toán chi đầu tư XDCB.

#### 6. Cơ chế điều hành các khoản chi sự nghiệp kinh tế khác

a) Kinh phí ủy thác nguồn vốn ngân sách địa phương qua Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây gọi là CSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

- Đối với ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện:

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế của địa phương, cơ quan tài chính tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí dự toán nguồn vốn địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội. Cơ quan tài chính thông báo dự toán NSNN phần vốn địa phương ủy thác cho Ngân hàng CSXH theo quy định tại Quyết định số 69/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng CSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Đối với ngân sách cấp xã:

Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định trích một phần từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách mình (nếu có) ủy thác cho vay qua Ngân hàng CSXH huyện đóng trên địa bàn. Nguồn vốn ủy thác cho vay phải được Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua Nghị quyết về dự toán thu, chi NSNN;

b) Kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực thủy nông (Hỗ trợ Quỹ khen thưởng và phúc lợi, hỗ trợ khác)

Căn cứ kế hoạch thu chi tài chính của các Công ty TNHH một thành viên hoạt động trong lĩnh vực thủy nông đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực thủy nông;

Căn cứ vào kế hoạch được duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính cấp kinh phí cho các đơn vị. Sau khi kết thúc năm, các doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực thủy nông có trách nhiệm báo cáo với Sở Tài chính để thẩm định quyết toán số tiền hỗ trợ cùng với quyết toán tài chính năm của công ty;

c) Kinh phí thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

Thực hiện theo các Nghị định của Chính phủ: số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí; số 62/2018/NĐ-CP ngày 02/5/2018 quy định về hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các văn bản khác có liên quan;

Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện tốt nguồn kinh phí thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và hướng dẫn thực hiện việc quản lý, cấp phát, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí được hỗ trợ theo đúng quy định;

d) Kinh phí sự nghiệp giao thông

Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về bố trí nguồn ngân sách địa phương cho sự nghiệp giao thông và nguồn vốn trung ương bổ sung mục tiêu kinh phí quản lý và bảo trì đường bộ; căn cứ vào nhu cầu chi quản lý và bảo trì đường bộ do tỉnh quản lý, giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, thống nhất với Sở Tài chính danh mục bảo dưỡng thường xuyên; sửa chữa định kỳ; sửa chữa đột xuất và các khoản chi khác trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán thực hiện Luật NSNN, Thông tư liên tịch 102/2016/TTLT-BTC-BGTVT ngày 29/6/2016 của liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp đường thủy nội địa và các văn bản hiện hành của Nhà nước;

đ) Chi khuyến nông, khuyến lâm và khuyến ngư

- Thực hiện theo Quyết định số 162/2008/QĐ-TTg ngày 04/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến nông, khuyến ngư ở địa bàn khó khăn; Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông và các văn bản hướng dẫn;

- Kinh phí chi trả phụ cấp cho khuyến nông viên cấp xã thực hiện theo Quyết định số 99/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về Khuyến nông viên cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An và được ngân sách tỉnh cân đối qua ngân sách cấp huyện để chi trả và quản lý theo đối tượng;

Riêng kinh phí bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ khuyến nông, căn cứ vào chương trình và số lượng học viên từng lớp học, Sở Tài chính thông báo kinh phí từ nguồn đào tạo lại cán bộ cơ sở cho Trung tâm khuyến nông tỉnh (phần cấp tỉnh thực hiện) để tổ chức lớp học. Phần đào tạo cấp huyện được cân đối qua ngân sách huyện;

e) Chi khuyến công

Thực hiện theo Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công, Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định quản lý, sử dụng Quỹ khuyến công tỉnh Nghệ An và các quy định khác có liên quan;

g) Chi các hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường

Thực hiện theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

h) Một số cơ chế chính sách khác

- Chính sách nâng cấp bến khách, thuyền vận chuyển khách ngang sông theo Quyết định số 49/2008/QĐ-UBND ngày 29/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp bến khách; đóng, mua mới thuyền vận chuyển khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp đối tượng, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện;

- Chi Quỹ hỗ trợ nông dân: Hội nông dân chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan quản lý, điều hành sử dụng Quỹ theo quy định;

- Chi Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã: Liên minh Hợp tác xã chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan theo dõi, hỗ trợ cho Quỹ để thực hiện tốt nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền giao;

- Đối với các huyện, thành phố, thị xã và các xã có quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, các hộ gia đình có vườn đạt chuẩn nông thôn mới, ngân sách tỉnh bố trí một khoản kinh phí để khen thưởng cho các huyện, thành phố, thị xã, các xã và các hộ gia đình theo Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân

dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025;

Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp lựa chọn danh mục công trình phúc lợi trên địa bàn, gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ kinh phí thực hiện; các hộ gia đình có vườn đạt chuẩn nông thôn mới thống nhất với UBND xã tổng hợp lập tờ trình đề nghị thường gửi Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh để tổng hợp, gửi Sở Tài chính trình UBND tỉnh quyết định giải quyết kinh phí thường cho các hộ gia đình;

- Kinh phí bảo vệ phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của HĐND tỉnh Nghệ An: hàng năm, trên cơ sở dự kiến thu tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối với các ngành có liên quan lập phương án phân bổ theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 và số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ và về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Thông tư 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án phân bổ theo quy định của Luật NSNN;

- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025;

i) Khuyến khích các cơ quan, đơn vị thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

## **Điều 12. Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội**

1. Kinh phí hoạt động bộ máy và chế độ, chính sách đối với các trung tâm bảo trợ xã hội, nhà xã hội thuộc tỉnh quản lý bố trí trong dự toán chi thường xuyên của đơn vị.

Đối với cấp huyện: Đã bố trí cân đối trong tổng dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp huyện (chi hoạt động bộ máy của các Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội cấp huyện quản lý; chi tặng quà địa phương cho một số đối tượng chính sách, nhân dịp tết nguyên đán và các ngày lễ trong năm; chi một số chính sách và công tác hoạt động sự nghiệp đảm bảo xã hội khác trên địa bàn ...). Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương UBND cấp huyện trình HĐND cùng cấp để quyết định phân bổ, giao dự toán chi cho phù hợp; chủ động chi trả kịp thời cho các đối tượng thụ hưởng chính sách bảo trợ xã hội trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

2. Kinh phí chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội thực hiện theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách

trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An: bố trí trong dự toán chi thường xuyên đối với các trung tâm bảo trợ xã hội, nhà xã hội thuộc tỉnh quản lý; bổ sung có mục tiêu trong dự toán chi ngân sách cấp huyện.

3. Đề án, chế độ, chính sách do ngành Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phân bổ

Kinh phí thực hiện chế độ mai táng phí đối với các đối tượng theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh, số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP và số 112/2017/NĐ-CP ngày 06/10/2017 quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975; các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, số 142/2008/QĐ-TTg, số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương, số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương, số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 quy định chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến, số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 về chế độ chính sách đối với đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc, số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế; Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 quy định mức hỗ trợ đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng thuộc gia đình hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 – 2025; Đề án cai nghiện và giải quyết việc làm sau cai nghiện (đã bao gồm kinh phí thí điểm cai nghiện tại gia đình và cộng đồng, kinh phí cai nghiện của các Trung tâm giáo dục lao động xã hội): Sở Lao động Thương binh và xã hội thẩm định hồ sơ báo cáo của UBND cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt. Trên cơ sở quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính thông báo bổ sung mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện chi trả cho các đối tượng kịp thời.

4. Kinh phí thực hiện Đề án cai nghiện và giải quyết việc làm sau tại Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định quản lý

và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp, gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ cho các đơn vị trên khai thực hiện.

5. Kinh phí thực hiện Quyết định số 4371/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thực hiện hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT - BLĐT BXH - BTC ngày 15/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính: Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp, gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ cho các đơn vị trên khai thực hiện. UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ và chi trả kinh phí cho các đối tượng. Riêng kinh phí quản lý cấp qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### 6. Hỗ trợ người đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện

Thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện và Nghị định 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện và Thông tư hướng dẫn số 01/2016/TT-BLĐT BXH ngày 18/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện. Theo đó, người tham gia BHXH tự nguyện được nhà nước hỗ trợ tiền đóng theo tỷ lệ % trên mức đóng BHXH hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn. Thời gian hỗ trợ tối đa 10 năm.

Căn cứ số lượng người tham gia BHXH tự nguyện được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng theo tỷ lệ phần trăm (%) trên mức đóng BHXH hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn. Giao Bảo hiểm xã hội tỉnh tổng hợp số đối tượng được hỗ trợ, số tiền thu của đối tượng và số tiền NSNN hỗ trợ gửi cơ quan tài chính để chuyển kinh phí vào quỹ BHXH.

### **Điều 13. Sự nghiệp Văn hoá thông tin, Thể dục thể thao, Du lịch, Phát thanh truyền hình**

1. Đối với Sự nghiệp Văn hoá thông tin, Thể dục thể thao, Du lịch cấp tỉnh: Sau khi có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách và văn bản giao, thông báo dự toán ngân sách năm của Sở Tài chính, Sở Văn hoá - Thể thao, Sở Du lịch căn cứ dự toán được giao phân bổ dự toán tới từng đơn vị và thông báo công khai để các đơn vị biết. Sở Tài chính phối hợp với Sở Văn hoá - Thể thao, Sở Du lịch, kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản thu chi tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác thẩm tra xét duyệt quyết toán hàng năm theo chế độ quy định;

2. Đối với Sự nghiệp Văn hoá, Thể dục thể thao, Truyền thông, Du lịch cấp huyện:

Chi sự nghiệp Văn hoá, Thể dục thể thao, Truyền thông, Du lịch cấp huyện là nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp huyện, đã được cân đối trong tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện, do cấp huyện điều hành trên nguyên tắc đảm bảo kinh phí chi hoạt động của bộ máy và hoạt động sự nghiệp. Căn cứ vào tình hình thực

tế tại địa phương UBND cấp huyện trình HĐND cùng cấp để quyết định phân bổ, giao dự toán chi cho phù hợp;

### 3. Đối với sự nghiệp phát thanh truyền hình

Sau khi có quyết định của UBND tỉnh về bố trí ngân sách và thông báo dự toán ngân sách trong năm của Sở Tài chính, Thủ trưởng đơn vị dự toán tiến hành phân bổ chi tiết các nội dung chi gửi Sở Tài chính để thẩm định và giao dự toán.

### **Điều 14. Chi các chương trình mục tiêu, các chương trình đề án của tỉnh**

1. Căn cứ vào chỉ tiêu vốn chương trình mục tiêu, Cơ quan chủ trì quản lý chương trình phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan phân bổ chi tiết theo mục tiêu, nhiệm vụ tới các đơn vị thực hiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Căn cứ quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch chương trình mục tiêu của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Sở Tài chính thông báo cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì quản lý chương trình đối với nguồn vốn sự nghiệp. Căn cứ vào Thông báo của Giám đốc Sở Tài chính, cơ quan chủ trì quản lý chương trình tiến hành phân bổ (sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan tài chính) cho các đơn vị như sau:

- Cơ quan chủ trì quản lý chương trình thực hiện giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc trực tiếp thực hiện chương trình;

- Đối với ngân sách cấp huyện xã, các đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện xã là đơn vị sử dụng NSNN nhưng không phải là đơn vị trực thuộc của cơ quan chủ trì quản lý chương trình thì cơ quan chủ trì quản lý chương trình đề nghị Sở Tài chính cấp qua ngân sách cấp dưới, đơn vị thực hiện chương trình;

- Đối với các đơn vị khác còn lại trực tiếp thực hiện chương trình thì cơ quan chủ trì quản lý chương trình ký hợp đồng và thanh toán giải ngân thông qua tài khoản của Văn phòng cơ quan chủ quản quản lý chương trình.

### **Điều 15. Chi quốc phòng - an ninh**

#### 1. Chi quốc phòng - an ninh cấp tỉnh

a) Căn cứ dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và UBND tỉnh quyết định, uỷ quyền Giám đốc Sở Tài chính thông báo dự toán chi tới các đơn vị dự toán cấp I. Trên cơ sở nhiệm vụ chi thường xuyên theo quy định của Liên Bộ Tài chính - Quốc phòng - Công an và các quy định hiện hành khác để phân bổ kinh phí chi của các đơn vị (Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh). Bên cạnh đó, căn cứ khả năng ngân sách địa phương, xem xét bố trí từ nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cho lực lượng quốc phòng - an ninh đóng trên địa bàn trong trường hợp cấp thiết để đảm bảo ổn định tình hình kinh tế, xã hội và trật tự an toàn của địa phương theo tinh thần tại Công văn số 2797/CVLT-BQP-BTC ngày 10/9/2012 của Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính về việc tăng cường hỗ trợ cho nhiệm vụ quốc phòng từ ngân sách địa phương và Công văn số 2782/CVLB-BCA-BTC ngày 24/11/2009 của Bộ Công an - Bộ Tài chính về việc

tăng cường hỗ trợ cho nhiệm vụ công tác Công an từ ngân sách địa phương. Đồng thời, tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất;

b) Kinh phí huấn luyện quân dự bị động viên hàng năm theo kế hoạch của tỉnh: ngân sách tỉnh cân đối và cấp qua Bộ chỉ huy quân sự tỉnh để chi trả;

c) Kinh phí mua trang phục dân quân tự vệ theo Luật dân quân tự vệ; Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ: cân đối và cấp qua BCH Quân sự tỉnh;

d) Kinh phí mua trang phục công an xã theo Pháp lệnh công an xã, kinh phí mua sắm phương tiện làm việc của Công an xã, kinh phí mua sắm trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức hỗ trợ thường xuyên cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy cho Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025: cân đối và cấp qua Công an tỉnh.

đ) Đối với kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 về chính sách hỗ trợ đối với công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy trên địa bàn Nghệ An (do Công an tỉnh chủ trì): Các ngành chủ trì thực hiện đề án phối hợp với Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ để thực hiện.

## 2. Chi quốc phòng - an ninh cấp huyện

Được cân đối trong dự toán chi ngân sách cấp huyện. Các huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương để quyết định phân bổ, giao dự toán chi hỗ trợ cho các hoạt động bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn theo phân cấp, bao gồm kinh phí hoạt động của các tiểu đội dân quân thường trực, các trung đội, tiểu đội cơ động, binh chung... do cấp huyện quản lý cho phù hợp.

Để tăng cường công tác quản lý tài chính, ngân sách đối với các đơn vị thuộc khối quốc phòng - an ninh (kể cả đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện để hỗ trợ khối quốc phòng an ninh), Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh định kỳ tổng hợp nhu cầu đột xuất của đơn vị và các đơn vị trực thuộc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Sau khi có văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính thẩm định và căn cứ khả năng cân đối ngân sách tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xem xét, xử lý bổ sung kinh phí quốc phòng, an ninh cho các đơn vị trên cơ sở đề xuất của Thủ trưởng các cơ quan: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh.

Kinh phí chi trả phụ cấp Đội trưởng, đội phó dân phòng Phòng cháy chữa cháy theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức hỗ trợ thường xuyên cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy cho Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025: Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện.

## **Điều 16. Chi quản lý hành chính**

1. Chi quản lý hành chính của cấp nào được tổng hợp vào dự toán ngân sách cấp đó. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định giao dự toán của Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo của Sở Tài chính, các ngành, các huyện phải tổ chức thực hiện theo đúng dự toán được duyệt.

Đối với chi quản lý hành chính cấp huyện là nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp huyện, đã cân đối trong tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện, do cấp huyện điều hành trên nguyên tắc đảm bảo kinh phí chi hoạt động bộ máy và các hoạt động quản lý hành chính trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương UBND cấp huyện trình HĐND cùng cấp để quyết định phân bổ, giao dự toán chi cho phù hợp.

2. Cơ quan Đảng cấp nào thì dự toán chi ngân sách Đảng được cân đối vào dự toán chi ngân sách cấp đó. Cơ quan Tài chính các cấp thực hiện việc cấp phát kinh phí cho cơ quan Đảng các cấp theo quy định của Liên bộ Tài chính - Ban Tài chính quản trị Trung ương.

Đối với chi cơ quan Đảng cấp huyện là nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp huyện, đã cân đối trong tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện, do cấp huyện điều hành trên nguyên tắc đảm bảo kinh phí chi hoạt động bộ máy và các hoạt động, đặc thù của cơ quan Đảng theo quy định. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương UBND cấp huyện trình HĐND cùng cấp để quyết định phân bổ, giao dự toán chi cho phù hợp.

3. Dự toán hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp nào được cân đối vào dự toán chi ngân sách cấp đó. Chủ tịch HĐND các cấp chịu trách nhiệm điều hành nguồn kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp mình theo đúng dự toán được duyệt. Văn phòng HĐND và UBND các cấp có trách nhiệm đảm bảo kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân theo kế hoạch trong phạm vi dự toán được giao.

Dự toán chi hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện là nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp huyện, đã cân đối trong tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện, do cấp huyện điều hành trên nguyên tắc đảm bảo kinh phí chi hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện theo quy định. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương UBND cấp huyện trình HĐND cùng cấp để quyết định phân bổ, giao dự toán chi cho phù hợp. Riêng đối với kinh phí trang phục đầu nhiệm kỳ của đại biểu HĐND cấp huyện sẽ được cấp bổ sung có mục tiêu khi có số đại biểu chính thức;

Kinh phí thực hiện một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp theo Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã bố trí trong dự toán chi ngân sách các cấp;

4. Đối với kinh phí NSNN hỗ trợ cho các Hội thực hiện theo Thông tư số 01/2011/TT-BTC ngày 06/01/2011 của Bộ Tài chính về quy định việc hỗ trợ kinh phí từ NSNN cho hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao; việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội; quản lý việc tiếp nhận, sử dụng các nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài cho hội và Quyết định số

62/2012/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp, hỗ trợ kinh phí từ NSNN đối với các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các quy định khác có liên quan.

5. Kinh phí các đoàn thanh tra, kiểm tra (bao gồm cả kinh phí các đoàn giải quyết khiếu nại tố cáo); bồi dưỡng công chức thanh tra chuyên ngành đã bố trí trong dự toán NSNN năm 2021

a) Căn cứ quyết định, chủ trương thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính thẩm định dự toán và cấp kinh phí cho các đơn vị thực hiện;

b) Kinh phí bồi dưỡng công chức thanh tra chuyên ngành theo Quyết định số 12/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ: sau khi kết thúc cuộc thanh tra, trên cơ sở hồ sơ của đơn vị trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Tài chính thẩm định dự toán và cấp kinh phí cho các đơn vị thực hiện;

c) Định kỳ 6 tháng và cả năm, giao Sở Tài chính tổng hợp số liệu đã xử lý cho các đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Kinh phí thực hiện kế hoạch cải cách hành chính

Căn cứ kế hoạch thực hiện chương trình cải cách hành chính năm 2021 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các cấp, các ngành, các đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Nội vụ thẩm tra nhiệm vụ; gửi Sở Tài chính (nhiệm vụ chi thường xuyên), Sở Kế hoạch và Đầu tư (nhiệm vụ chi đầu tư XDCB) thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

7. Các chế độ, chính sách phụ cấp đã bố trí trong dự toán của các cấp, các ngành, các đơn vị, gồm:

a) Kinh phí thực hiện Thông báo số 13-TB/TW ngày 28/3/2011 của Bộ Chính trị về việc sửa đổi những bất hợp lý về tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, đoàn thể, chính trị - xã hội; Chế độ phụ cấp công vụ theo Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ và chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội đặc thù cấp tỉnh theo Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ: đã tính toán và bố trí đảm bảo nhu cầu trong dự toán các cấp, các ngành, các đơn vị. Đối với các hội đặc thù cấp huyện: đã bố trí vào dự toán đầu năm của cấp huyện để hỗ trợ một phần kinh phí hoạt cho các hội thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao;

b) Kinh phí chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương:

- Đối với cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp thì kinh phí hoạt động công tác đảng của chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở được sử dụng từ dự toán chi thường xuyên được giao đầu năm của đơn vị;

- Đối với các doanh nghiệp do nhà nước nắm cổ phần chi phối và các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên được hạch toán vào chi phí của đơn vị;

*Or*

- Đối với các đảng bộ, chi bộ cơ sở ngoài doanh nghiệp nhà nước được NSNN cấp hỗ trợ kinh phí qua Đảng ủy cấp trên trực tiếp;

c) Kinh phí thực hiện Quyết định số 33/2014/QĐ-TTg ngày 28/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ sinh hoạt phí đối với Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh và cấp huyện và Quyết định số 78/2018/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với Ủy viên Ủy ban Đoàn kết công giáo trên địa bàn tỉnh Nghệ An: đã được tính toán và bố trí trong dự toán các đơn vị;

d) Kinh phí chi trả phụ cấp cho cán bộ lâm nghiệp xã (đã bố trí trong dự toán của Chi cục Kiểm lâm);

đ) Kinh phí hỗ trợ thu nhập cho cán bộ, công chức chuyên trách Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh: đã cân đối trong dự toán của đơn vị.

### **Điều 17. Chi ngân sách cấp xã**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách, gửi Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch làm căn cứ thanh toán và kiểm soát chi.

Việc quản lý ngân sách cấp xã và các hoạt động tài chính khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính và tại Quyết định này.

2. Dự toán chi ngân sách cấp xã đã cân đối thực hiện các nhiệm vụ chi sau:

a) Chi quản lý hành chính cấp xã, gồm:

- Chi quản lý nhà nước cấp xã

Đối với quỹ lương cán bộ, công chức cấp xã: Dự toán ngân sách xã năm 2021 đã cân đối đủ quỹ lương cán bộ, công chức cấp xã trên cơ sở biên chế cán bộ, công chức theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ và mức lương cơ sở quy định tại Nghị định 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ. Trường hợp biên chế thực tế hiện có mặt cao hơn biên chế quy định tại Nghị định 34/2019/NĐ-CP, quỹ lương được tính theo số biên chế hiện có;

Phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở xóm, khối, bản, Phó công an xã, Công an viên thường trực ở những xã chưa bố trí công an chính quy, Thôn đội trưởng, Công an viên, Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố, Tổ viên tổ bảo vệ dân phố; Kinh phí bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của xóm, khối, bản: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác ở xã, phường, thị trấn và xóm, khối, bản trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Việc chi trả bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của xóm, khối, bản (bao gồm những người phụ trách công tác dân vận): thực hiện theo quy

định tại Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh về mức chi bồi dưỡng và quy trình thực hiện mức chi bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của xóm, khối, bản trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Công văn số 3288/STC-HX ngày 18/9/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện mức chi bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của xóm, khối, bản;

Chi hỗ trợ đối với Ủy viên Thường trực MTTQ, Ủy viên Thường vụ các đoàn thể ở cấp xã thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 315/2010/NQ-HĐND ngày 10/07/2010 của HĐND tỉnh;

Chi hỗ trợ đối với cộng tác viên kiêm nhiệm làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở xóm, khối, bản thực hiện theo quy định tại Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND ngày 23/5/2012 của UBND tỉnh về bố trí cộng tác viên kiêm nhiệm làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở xóm, khối, bản trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động của chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội thuộc các xã đặc biệt khó khăn theo Thông tư số 49/2012/TT-BTC ngày 20/3/2012 của Bộ Tài chính;

Chi khác hoạt động quản lý hành chính cấp xã trong đó bao gồm: Kinh phí hoạt động cho Mặt trận tổ quốc cấp xã; kinh phí hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong UBND cấp xã quy định tại Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của UBND tỉnh Quy định số định suất và mức hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An; kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nghệ An; kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh quy định tại Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của UBND tỉnh Quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân; xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Nghệ An; kinh phí hỗ trợ cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 quy định về nội dung chi và mức chi kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An,...

- Chi hỗ trợ các hội cấp xã;

- Chi hoạt động hội đồng nhân dân cấp xã trong đó bao gồm kinh phí trang phục đối với đại biểu HĐND cấp xã và hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên theo Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 04/08/2016 của HĐND tỉnh Quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Chi hoạt động Đảng cấp xã trong đó bao gồm: Kinh phí phụ cấp trách nhiệm đối với Đảng ủy viên cấp xã theo quy định tại Quyết định số 169/QĐ-TW ngày 24/06/2008 của Ban Bí thư về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp; kinh phí thực hiện Đề án số 01-ĐA/TU ngày 10/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng chi bộ, phát triển đảng viên ở các khối, xóm bản chưa có

chi bộ, chưa có đảng viên và khối, xóm, bản có nguy cơ không còn chi bộ giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo Công văn số 1554-CV/TU ngày 02/11/2016 của Tỉnh ủy về hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án số 01-ĐA/TU ngày 10/8/2016; chi hỗ trợ hoạt động của tổ chức đảng cơ sở thực hiện theo quy định tại Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về quy định chế độ chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở Đảng, Đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở;

b) Chi hỗ trợ sự nghiệp bảo đảm xã hội trong đó bao gồm trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo quy định tại Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/5/2019 của Chính phủ Điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng; Kinh phí tặng quà chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi được quy định tại Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của HĐND tỉnh quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Kinh phí quản lý hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội theo Thông tư 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/20/2014 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

c) Chi hỗ trợ an ninh - quốc phòng trong đó bao gồm kinh phí chi trả chế độ Phụ cấp chức vụ chỉ huy đối với Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Trung đội trưởng dân quân cơ động, Tiểu đội trưởng cơ động, Khẩu đội trưởng, Thôn đội trưởng; Phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự của Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Trung đội trưởng dân quân cơ động, Tiểu đội trưởng cơ động; Phụ cấp thâm niên của Phó Chỉ huy trưởng, chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã theo quy định tại Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ (không bao gồm trang phục); kinh phí đặc thù xã biên giới;

d) Chi hỗ trợ sự nghiệp giáo dục trong đó bao gồm kinh phí hỗ trợ cho Hội Khuyến học và Trung tâm học tập cộng đồng quy định tại Quyết định số 3728/QĐ.UBND-VX ngày 27/9/2007 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí thường xuyên hàng năm cho hoạt động của hội khuyến học cấp huyện, cấp xã và các Trung tâm học tập cộng đồng;

đ) Chi hỗ trợ sự nghiệp văn hóa, thể thao đã bao gồm kinh phí hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và Ban chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp xã thuộc vùng khó khăn theo quy định tại Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và Ban chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp xã thuộc vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Kinh phí xây dựng tủ sách pháp luật; Kinh phí hỗ trợ Ban chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp xã đối với các xã còn lại (các xã không thuộc vùng khó khăn); Kinh phí đảm bảo cho công tác

quản lý nhà nước về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước; Kinh phí đảm bảo cho công tác quản lý nhà nước về xây dựng, thực hiện công tác gia đình và phòng chống bạo lực gia đình; Kinh phí tổ chức Đại hội Thể dục thể thao cấp xã;

e) Chi sự nghiệp kinh tế - môi trường trong đó bao gồm kinh phí duy tu bảo dưỡng đường giao thông nông thôn, khuyến nông – lâm ngư, chi hỗ trợ lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cấp xã theo Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 07/03/2014 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quy định về công tác lập, thực hiện và theo dõi đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Kinh phí trả thù lao cho lực lượng quản lý đề nhân dân và mua trang bị bảo hộ lao động khi làm nhiệm vụ theo Quyết định số 4765/QĐ-UBND.NN ngày 04/11/2011 của UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt Đề án thành lập lực lượng quản lý đề nhân dân tỉnh Nghệ An;

3. Bộ phận Tài chính - kế toán xã, phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và Kho bạc nhà nước nơi giao dịch thực hiện công tác kế toán, lập báo cáo kế toán chi ngân sách xã theo chế độ hiện hành.

4. Thực hiện điểm e, khoản 3, điều 11, mục 2, chương II tại Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn, phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện có trách nhiệm thẩm tra phân bổ dự toán ngân sách cấp xã, trường hợp dự toán phân bổ chưa phù hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành Nghị quyết điều chỉnh dự toán theo kết quả thẩm tra, đồng thời gửi Kho bạc nhà nước cùng cấp để phối hợp điều chỉnh dự toán cấp 0 trên hệ thống Tabmis.

Việc thẩm tra phân bổ dự toán ngân sách cấp xã theo quy định trên của phòng Tài chính - kế hoạch phải hoàn thành chậm nhất trước ngày 31 tháng 3 của năm thực hiện dự toán.

Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Kho bạc nhà nước cùng cấp để thực hiện việc điều chỉnh dự toán ngân sách cấp xã kịp thời và đúng quy định.

### **Điều 18. Điều hành ngân sách dự phòng**

1. Các cấp chính quyền địa phương được bố trí khoản dự phòng tối thiểu 2% trên tổng chi của ngân sách mỗi cấp (không tính các khoản ghi thu - ghi chi, các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các khoản chi ngoài định mức được quản lý theo đối tượng,...) và được cơ quan tài chính trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định sử dụng. Hàng quý, cơ quan tài chính các cấp tổng hợp tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp mình báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. Dự phòng ngân sách được sử dụng các nhiệm vụ sau:

a) Chi phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng - an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được bố trí trong dự toán;

b) Hỗ trợ ngân sách cấp dưới để xử lý các nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này, sau khi cấp dưới đã sử dụng dự phòng của cấp mình để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu;

c) Hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng.

3. Trong 6 tháng đầu năm, chỉ xem xét, xử lý dự phòng ngân sách tỉnh phục vụ những nhiệm vụ có nhu cầu về kinh phí lớn để phòng chống, khắc phục hậu quả dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn lớn xảy ra, những nhiệm vụ quốc phòng - an ninh thực sự quan trọng, các nhiệm vụ cấp thiết, cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán.

Các đơn vị có nhiệm vụ chi đột xuất phát sinh trước hết phải sắp xếp lại các nhiệm vụ chi trong dự toán được giao, sử dụng dự phòng ngân sách của cấp huyện, của ngành, kinh phí sự nghiệp, kinh phí phân bổ sau của các ngành. Ủy ban nhân dân tỉnh không xem xét, xử lý kinh phí đột xuất trong 6 tháng đầu năm, từ tháng 7 trở đi Ủy ban nhân dân tỉnh mới xem xét, xử lý kinh phí đột xuất đối với những nhiệm vụ tăng thêm trong năm do Ủy ban nhân dân tỉnh giao khi các nguồn kinh phí đã phân bổ cho đơn vị đã sử dụng hết hoặc không bố trí sắp xếp được.

Sở Tài chính theo định kỳ tổng hợp các nhu cầu chi đột xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết.

### **Điều 19. Chấp hành ngân sách nhà nước**

#### **1. Tổ chức điều hành ngân sách**

a) Trên cơ sở nhiệm vụ thu cả năm được giao và nguồn thu dự kiến phát sinh trong quý, cơ quan thu lập dự toán thu ngân sách quý gửi cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 20 tháng cuối quý trước.

b) Cơ quan tài chính căn cứ vào khả năng nguồn thu và nhu cầu chi trong quý, lập phương án điều hành ngân sách quý của cấp mình bảo đảm nguồn để chi trong dự toán, đúng chế độ. Riêng tiền sử dụng đất, phân bổ trí chi đầu tư phát triển điều hành như sau:

- Phần ngân sách tỉnh hưởng:

Về kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi đầu tư phát triển: căn cứ tiến độ thu tiền sử dụng đất, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết kinh phí cho các dự án của tỉnh.

Về trả nợ gốc: Căn cứ thời hạn trả nợ, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết kinh phí trả nợ.

Trong quá trình thực hiện nếu thu tiền sử dụng đất không đạt tiến độ dự toán, giao Sở Tài chính tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh giảm vốn chi đầu tư phát triển, chi trả nợ gốc, vốn bồi thường giải phóng mặt bằng đã bố trí từ nguồn tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh hưởng giảm tương ứng với số giảm dự toán.

- Phần ngân sách cấp huyện hưởng: Phòng Tài chính - Kế hoạch căn cứ vào tiến độ thu tiền sử dụng đất để thông báo và nhập nguồn trên Hệ thống Tabmis cho các công trình dự án theo đúng tiến độ thu ngân sách, đảm bảo cân đối với

phần vốn mà ngân sách cấp huyện hưởng. Trong quá trình thực hiện nếu thu tiền sử dụng đất không đạt tiến độ dự toán, Phòng Tài chính - Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để điều chỉnh giảm vốn chi đầu tư phát triển đã bố trí từ nguồn tiền sử dụng đất giảm tương ứng.

- Phần ngân sách cấp xã hưởng: Ban Tài chính căn cứ vào tiến độ thu tiền sử dụng đất gửi Kho bạc nhà nước cấp huyện nhập nguồn trên Hệ thống Tabmis cho các công trình dự án theo đúng tiến độ thu ngân sách, đảm bảo cân đối với phần vốn mà ngân sách cấp xã hưởng. Trong quá trình thực hiện nếu thu tiền sử dụng đất không đạt tiến độ dự toán, Ban Tài chính báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để điều chỉnh giảm vốn chi đầu tư phát triển đã bố trí từ nguồn tiền sử dụng đất giảm tương ứng.

Sở Tài chính cân đối phần ngân sách tỉnh hưởng tiền sử dụng đất để điều hành các nhiệm vụ theo tỷ lệ các nguồn vốn đã phân bổ.

c) Dự toán giao cho các ngành, các đơn vị cấp tỉnh và các đơn vị cấp huyện đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên và một phần nguồn thu để thực hiện nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

Đối với kinh phí sự nghiệp ngành: Các ngành chủ động dự kiến phương án phân bổ 70% kinh phí sự nghiệp ngành được giao, gửi Sở Tài chính trước ngày 15/02/2021. Sở Tài chính thông báo ngay từ đầu năm để ngành triển khai thực hiện. Việc phân bổ phải bao quát hết các nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên có tính chất sự nghiệp ngành trong năm.

Trong năm, nếu có phát sinh ngoài dự kiến đầu năm thì các ngành chủ động sắp xếp lại nguồn sự nghiệp ngành (bao gồm cả phần 70% đã phân bổ và phần 30% chưa phân bổ) để đảm bảo, gửi Sở Tài chính thống nhất phương án phân bổ lại. Trường hợp không thể sắp xếp được, căn cứ nhiệm vụ chi, Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Thực hiện ứng dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (viết tắt là Tabmis), ngoài các nội dung phân bổ, giao dự toán tại quy định này, các ngành, các cấp và các đơn vị tham gia Tabmis có trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/07/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc; Thông tư số 19/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/07/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc; Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống Mục lục NSNN; Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục NSNN; Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc; Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Quyết định số 1111/QĐ-BTC ngày 04/5/2012 của Bộ Tài chính về việc ban

hành Quy chế mẫu phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện nhập dự toán chi ngân sách và Lệnh chi tiền của ngân sách địa phương vào TABMIS; Công văn số 15602/BTC-KBNN ngày 17/11/2017 hướng dẫn kế toán dự toán, lệnh chi tiền NSDP.

## 2. Các khoản chi kinh phí uỷ quyền

a) Khi thực hiện phân bổ và giao kinh phí uỷ quyền, cơ quan uỷ quyền cho cơ quan cấp dưới được uỷ quyền là đơn vị dự toán đặc biệt và thực hiện phân bổ, giao dự toán như đối với các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc; đồng thời gửi Ủy ban nhân dân cùng cấp với cơ quan được uỷ quyền biết để phối hợp chỉ đạo thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí uỷ quyền đúng mục đích, đúng chế độ quy định.

b) Việc chi trả, thanh toán các khoản kinh phí uỷ quyền được thực hiện theo hình thức rút dự toán nếu là uỷ quyền về kinh phí thường xuyên và cấp phát, thanh toán vốn đầu tư nếu là uỷ quyền về vốn đầu tư. Khi cấp phát, thanh toán các khoản kinh phí uỷ quyền, thực hiện hạch toán vào chương và cấp ngân sách của đơn vị uỷ quyền.

c) Kho bạc nhà nước và đơn vị được uỷ quyền thực hiện kế toán, báo cáo riêng các khoản chi về kinh phí uỷ quyền. Đơn vị được uỷ quyền thực hiện báo cáo quyết toán kinh phí trực tiếp với đơn vị uỷ quyền; đơn vị uỷ quyền xét duyệt và tổng hợp chung vào quyết toán ngân sách của mình theo quy định.

## 3. Quản lý nhà nước đối với tài sản công

a) Thực hiện theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các Nghị định của Chính phủ: số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công, số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; các Thông tư của Bộ Tài chính: số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, số 37/2018/TT-BTC ngày 16/4/2018 hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các văn bản khác có liên quan.

b) Số tiền thu được từ xử lý (bán, chuyển nhượng, thanh lý...) tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả các trường hợp sắp xếp lại, xử lý nhà, đất), tài sản kết cấu hạ tầng, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, tài sản được trang bị để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước và tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước, tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do nhà nước đầu tư, quản lý và khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng phải nộp vào tài khoản tạm giữ do cơ quan quản lý tài sản công của Sở Tài chính, Phòng Tài chính – kế hoạch mở tại Kho bạc nhà nước theo quy định tại Điều 48, Điều 62, Điều 94, Điều 103, Điều

112 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật. Định kỳ hàng quý, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp số tiền thu được từ xử lý, khai thác tài sản công (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan).

#### 4. Mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung

Thực hiện mua sắm tài sản nhà nước theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục tài sản mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Hướng dẫn số 410/HD-STC ngày 12/02/2018 của Sở Tài chính và các văn bản liên quan.

Việc phân bổ dự toán mua sắm tài sản nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công và chấp hành đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ về trang thiết bị.

#### 5. Các chế độ chính sách Trung ương ban hành nhưng chưa được Trung ương tính toán, cân đối trong dự toán năm 2021

Các ngành phối hợp với Sở Tài chính và các ngành có liên quan báo cáo bộ chủ quản, Bộ Tài chính bổ sung kinh phí và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ khi liên bộ đã duyệt bổ sung kinh phí. Cụ thể:

- Kinh phí đối ứng thực hiện Quyết định 58/2008/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ NSNN nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì;

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phẫu thuật tim cho trẻ bị tim bẩm sinh theo Quyết định số 55a/2013/QĐ-TTg ngày 04/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ: Sở Y tế chủ trì;

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì;

- Kinh phí thực hiện các Nghị định của Chính phủ: số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 và Nghị định số 17/2018 ngày 02/02/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì;

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung thực hiện theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ: Sở Tài chính chủ trì, Sở Xây dựng phối hợp;

- Kinh phí thực hiện các Nghị định của Chính phủ: số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 về chính sách tinh giản biên chế và số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/03/2015 về quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội: Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Chính sách đối với giáo viên mầm non dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì.

6. Chấp hành NSNN trong điều kiện có biến động về thu, chi ngân sách địa phương và các cơ chế chính sách thay đổi dự toán các cấp ngân sách

Trường hợp số thu ngân sách không đạt dự toán được Hội đồng nhân dân quyết nghị, Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp điều chỉnh giảm một số khoản chi ngân sách tương ứng, dành nguồn dự phòng Ngân sách địa phương và sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp khác để bù đắp giảm thu. Sau khi đã thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi tương ứng và sử dụng các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của địa phương mà chưa bảo đảm được cân đối ngân sách địa phương thì báo cáo ngân sách cấp trên hỗ trợ ngân sách cấp dưới theo khả năng của ngân sách cấp trên.

Trường hợp các cơ chế chính sách thay đổi dự toán các cấp ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết nghị (giảm kinh phí bố trí do sáp nhập xã, xóm; thay đổi chính sách tiền lương, phụ cấp; điều chỉnh, sát nhập các đơn vị sự nghiệp công lập;...), giao cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân trình xin ý Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

7. Sử dụng số tăng thu so với dự toán được giao

Cơ quan tài chính chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phương án sử dụng, thống nhất ý kiến với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp trước khi thực hiện.

8. Điều hành bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu

a) Chi bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới và bổ sung tiền lương tăng thêm

- Căn cứ dự toán bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được cấp có thẩm quyền giao và đã nhập vào hệ thống Tabmis; căn cứ nhu cầu thực hiện nhiệm vụ chi, hàng tháng cơ quan Tài chính cấp dưới chủ động rút dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch;

- Mức rút dự toán hàng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ mức rút dự toán có thể cao hơn mức bình quân trên, song tổng mức rút dự toán cả quý I không được vượt quá 30% dự toán năm;

- Trường hợp đặc biệt cần tăng tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân cấp dưới phải có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp trên xem xét, quyết định;

- Trường hợp ngân sách cấp dưới được ứng trước từ ngân sách cấp trên, cần phải thu hồi trong dự toán bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới năm 2021, Sở Tài chính, phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo cho Kho bạc nhà nước trừ số thu hồi vào dự toán đầu năm đã giao cho địa phương; phần dự toán còn lại chia đều trong năm để rút.

- Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 15 của tháng sau, Kho bạc nhà nước tỉnh, huyện thực hiện tổng hợp, báo cáo cơ quan Tài chính đồng cấp về kết quả rút dự toán chi bổ sung cân đối của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trong tháng trước.

b) Đối với bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới (bao gồm cả bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán, trừ bổ sung tiền lương tăng thêm)

Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, trên cơ sở xem xét hồ sơ thủ tục theo quy định hiện hành, cơ quan Tài chính thông báo bổ sung ngoài dự toán cho Ủy ban nhân dân và phòng Tài chính - Kế hoạch cấp dưới (ngân sách cấp sử dụng). Căn cứ vào thông báo của cơ quan Tài chính cấp trên, cơ quan Tài chính cấp dưới (Ủy ban nhân dân cấp xã nếu ngân sách cấp sử dụng là cấp xã) thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch. Mức rút dự toán tối đa không quá mức bổ sung theo thông báo của cơ quan Tài chính cấp trên.

c) Đối với chính sách ngoài định mức được quản lý theo đối tượng, đã giao cân đối trong dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp huyện, xã sẽ được kiểm soát trong quá trình thực hiện. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định nhu cầu kinh phí thực hiện, tham mưu UBND tỉnh quyết định thu hồi kinh phí còn dư, cấp bổ sung kinh phí còn thiếu cho các đơn vị (nếu có).

#### 9. Ứng trước dự toán ngân sách năm sau

Việc chi ứng trước ngân sách năm trước cho năm sau do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm thu hồi các khoản chi ứng trước ngân sách.

Thực hiện việc ứng trước dự toán chi đầu tư đầu tư phát triển của năm sau phải đảm bảo theo đúng quy định của Luật đầu tư công, Luật NSNN và văn bản hướng dẫn các Luật. Cụ thể là các dự án, công trình quốc gia và công trình XD CB, đủ điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng, thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSNN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cần đẩy nhanh tiến độ; không còn số dư ứng trước dự toán ngân sách;...

#### 10. Bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương

Căn cứ vào dự toán ngân sách năm 2021 được giao, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các ngành, các đơn vị dự toán bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 như sau:

a) Sử dụng 70% tăng thu ngân sách các cấp năm 2020 thực hiện so với dự toán năm 2020 Ủy ban nhân dân tỉnh giao và dành 70% tăng thu dự toán năm 2021 so với dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao năm 2021 (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng

sản; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước);

b) Nguồn 10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên năm 2021 (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương) của các ngành, các đơn vị, các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị cấp xã, đã tính trừ trong dự toán giao chi ngân sách năm 2021;

c) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2021 sau khi trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu nhưng chưa được NSNN đảm bảo kinh phí (riêng ngành y tế sử dụng tối thiểu 35%); trong đó chú ý một số khoản thu sau:

- Đối với học phí học sinh chính quy học các trường công lập: 40% số thu để thực hiện chế độ cải cách tiền lương được tính trên toàn bộ số thu học phí của học sinh;

- Đối với học phí từ các hoạt động đào tạo tại chức, liên doanh liên kết, các hoạt động đào tạo khác của các trường công lập: 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên toàn bộ số thu học phí từ các hoạt động trên sau khi loại trừ các chi phí liên quan;

- Đối với số thu dịch vụ, các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác của đơn vị sự nghiệp (ngoài khoản thu theo Luật phí và lệ phí): 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên toàn bộ số thu của các hoạt động trên sau khi trừ các chi phí liên quan.

d) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ năm 2020 trở về trước chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2021 (nếu có);

đ) 50% kinh phí ngân sách địa phương giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính (do thực hiện tinh giản biên chế và đổi mới, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả) và các đơn vị sự nghiệp công lập (do thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập).

### 11. Xử lý kinh phí đột xuất

Trong 6 tháng đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh không xử lý bổ sung kinh phí đột xuất chi thường xuyên cho các ngành, các cấp, các đơn vị. Khi phát sinh các nhiệm vụ mới, các cấp, các ngành, các đơn vị tự sắp xếp trong dự toán được giao. Sau khi tự sắp xếp để thực hiện nhiệm vụ trên mà kinh phí vẫn không đảm bảo được thì đến tháng 7 năm 2021 có văn bản đề xuất gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét; Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu và cân đối nguồn đảm bảo để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định, không xử lý riêng lẻ (trừ các trường hợp bổ sung về tiền lương, phụ cấp, các chính sách về an sinh xã hội và các trường hợp đột xuất cấp bách khác).

Giám đốc Sở Tài chính được ủy quyền giải quyết kinh phí ngân sách tỉnh cho những nội dung chi cần thiết từ 10 triệu đồng trở xuống cho một đơn vị (mỗi đơn vị chỉ được giải quyết một lần).

### 12. Kinh phí chi thường xuyên thực hiện các đề án, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt

Các Sở, Ban, Ngành, các cấp đối chiếu với chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được giao quản lý nhà nước để thực hiện; Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xử lý kinh phí hỗ trợ thêm một số đơn vị ngoài phạm vi chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước. Dự toán chi thường xuyên thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo từng cơ quan, đơn vị đã được đảm bảo theo định mức chi thường xuyên trên biên chế quản lý nhà nước. Khi thực hiện các đề án, các kế hoạch triển khai của Ủy ban nhân dân tỉnh, các đơn vị tự sắp xếp trong dự toán chi thường xuyên đã giao cho đơn vị cũng như chức năng, nhiệm vụ để thực hiện các đề án, các kế hoạch.

13. Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng và dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân sống gần Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc

Cơ cấu nguồn vốn đã được quy định tại Công văn số 5307/UBND-CN ngày 17/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc triển khai các thủ tục để bồi thường, hỗ trợ, di dời tái định cư các hộ dân sống gần Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc: Ngân sách tỉnh: 55%/tổng kinh phí dự kiến; Ngân sách thành phố Vinh: 35%/tổng kinh phí dự kiến; Ngân sách huyện Nghi Lộc: 5%/tổng kinh phí dự kiến; Ngân sách thị xã Cửa Lò: 5%/tổng kinh phí dự kiến.

Trên cơ sở quyết định phê duyệt dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng của UBND huyện Nghi Lộc, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND huyện Nghi Lộc, UBND thành phố Vinh, UBND thị xã Cửa Lò căn cứ cơ cấu nguồn vốn để bố trí kinh phí cho UBND huyện Nghi Lộc triển khai thực hiện.

14. Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông thực hiện theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định việc sử dụng kinh phí từ ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An, trong đó: ưu tiên bố trí cho lực lượng công an, thanh tra giao thông, kinh phí giải tỏa vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, hè phố và xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông,...

15. Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước

Ủy ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau:

a) Dự kiến số thu không đạt dự toán được Hội đồng nhân dân quyết định phải điều chỉnh giảm một số khoản chi;

b) Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách của một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách của các huyện, thành phố, thị xã;

c) Khi cần điều chỉnh dự toán ngân sách của một số đơn vị dự toán hoặc địa phương cấp dưới.

16. Điều chỉnh dự toán đơn vị sử dụng ngân sách

a) Trong quá trình thực hiện dự toán, các đơn vị sử dụng ngân sách có nhu cầu điều chỉnh kinh phí từ nội dung chi này sang nội dung chi khác mà không làm thay đổi dự toán đã được giao, gửi đề nghị tới Ủy ban nhân dân các cấp để xem xét, quyết định (đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra). Thời gian gửi về cơ quan tài chính trước ngày 30/10 năm hiện hành và điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15/11 năm hiện hành;

b) Điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển

Việc điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư công.

Đối với các nguồn vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định: Trên cơ sở báo cáo, đề xuất của các chủ đầu tư, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định điều chỉnh.

Đối với các nguồn vốn do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định: Trên cơ sở báo cáo, đề xuất của các chủ đầu tư, giao cơ quan tài chính phối hợp với Kho bạc nhà nước tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định điều chỉnh.

17. Thực hiện kiến nghị giảm trừ dự toán chi thường xuyên của Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra chuyên ngành

Căn cứ Thông báo Kết luận của Kiểm toán nhà nước và Thanh tra chuyên ngành về kết quả kiểm toán, thanh tra tại các ngành, cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố, thị xã: ủy quyền cho Sở Tài chính thông báo giảm trừ dự toán chi thường xuyên của các ngành, cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố, thị xã; Thông báo phải ghi rõ số kinh phí giảm trừ tương ứng nhiệm vụ chi theo kiến nghị Kiểm toán nhà nước và Thanh tra chuyên ngành về niên độ ngân sách.

Trên cơ sở thông báo giảm trừ dự toán chi thường xuyên của Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo giảm trừ dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp huyện và các xã, phường, thị trấn.

18. Xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán NSNN hàng năm

Thực hiện theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn khác của Bộ Tài chính (nếu có), hướng dẫn liên ngành Sở Tài chính - Kho bạc nhà nước tỉnh.

a) Các khoản thu được để lại đơn vị chi, thực hiện ghi thu - ghi chi qua NSNN theo quy định

Các khoản thu được để lại đơn vị chi, thực hiện ghi thu - ghi chi qua NSNN (tiền đầu tư hạ tầng các khu đất đấu giá, tiền thuê đất,...) thực hiện theo đúng các văn bản quy định hiện hành. Việc ghi thu - ghi chi được thực hiện, tổng hợp theo từng cấp ngân sách. Đơn vị dự toán cấp I hướng dẫn, phê duyệt các khoản ghi thu - ghi chi của đơn vị dự toán trực thuộc, gửi cơ quan tài chính đồng cấp để thực hiện

*Handwritten mark*

ghi thu - ghi chi qua NSNN. Thời hạn cơ quan tài chính hoàn thành thủ tục gửi Kho bạc nhà nước chậm nhất hết ngày 30/01 năm sau.

b) Xử lý số dư dự toán ngân sách, chuyển nguồn sang năm sau

Các khoản dự toán chưa thực hiện hoặc chưa chi hết, các khoản đã tạm ứng trong dự toán, số dư tài khoản tiền gửi đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán chưa thực hiện được hoặc chưa sử dụng hết đủ điều kiện chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật NSNN, Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 26, Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính và các văn bản điều hành dự toán NSNN năm 2021 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính;

Kết thúc năm tài chính, sau khi rà soát đối chiếu các nhiệm vụ chi đủ điều kiện chuyển nguồn nêu trên với các ngành, đơn vị và địa phương, Kho bạc Nhà nước tổng hợp, lập báo cáo số dư dự toán được chuyển sang ngân sách năm sau của đơn vị dự toán cấp I, chi tiết theo từng nhiệm vụ của từng đơn vị sử dụng ngân sách, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi theo quy định tại Điều 26, Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Khi sử dụng sẽ hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm sau theo chế độ quy định.

Cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với ngân sách cấp xã) tổng hợp toàn bộ các khoản chi được chuyển nguồn (bao gồm số liệu chuyển nguồn do KBNN cùng cấp báo cáo và các khoản được chuyển nguồn theo quy định của Luật NSNN) và có văn bản gửi KBNN nơi giao dịch để hạch toán chi chuyển nguồn từ năm 2020 sang thu chuyển nguồn năm sau theo quy định tại khoản 7, Điều 26, Thông tư 342/2016/TT-BTC.

Các dự án chi đầu tư phát triển được chuyển nguồn theo đúng quy định của Luật đầu tư công năm 2019.

c) Quyết toán NSNN

Đơn vị dự toán cấp trên duyệt quyết toán của đơn vị cấp dưới. Kết thúc duyệt quyết toán năm đơn vị xét duyệt phải ra thông báo đối với dự toán cấp dưới. Đối với đơn vị dự toán cấp I gửi đơn vị dự toán cấp dưới và gửi cơ quan Tài chính cùng cấp. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp trên phải chịu trách nhiệm về kết quả xét duyệt quyết toán theo luật định.

Thời hạn xét duyệt, thẩm định và phê chuẩn quyết toán ngân sách năm quy định theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp huyện, cấp xã; thời gian gửi báo cáo tài chính ngân sách của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh và cụ thể như sau:

- Đối với đơn vị dự toán ngân sách: Thời hạn quyết toán năm của đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc do đơn vị dự toán cấp I quy định nhưng phải bảo đảm thời gian để đơn vị dự toán cấp I xem xét duyệt, tổng hợp, lập, gửi cơ quan Tài chính cùng cấp trước ngày 30/4 năm sau (đối với cấp tỉnh), trước ngày 30/3 năm sau (đối với cấp huyện);

- Bộ phận Tài chính - Kế toán xã có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, đồng thời gửi

phòng Tài chính - Kế hoạch huyện trước ngày 30/4 năm sau, trình Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn quyết toán trước ngày 30/6 năm sau;

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định quyết toán ngân sách cấp xã và các đơn vị dự toán cấp huyện; lập quyết toán thu, chi ngân sách cấp huyện; tổng hợp, lập báo cáo thu NSNN trên địa bàn huyện và quyết toán thu, chi ngân sách huyện (bao gồm cả thu, chi cấp huyện và cấp xã), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, đồng thời gửi Sở Tài chính trước ngày 30/5 năm sau; trình Hội đồng nhân dân cấp huyện để phê chuẩn quyết toán trước ngày 31/8 năm sau;

- Sở Tài chính có trách nhiệm: lập quyết toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh; tổng hợp lập quyết toán thu NSNN trên địa bàn tỉnh và báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước. Đồng thời trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn quyết toán tại kỳ họp cuối năm.

### **Điều 20. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng**

Các ngành, các cấp, các đơn vị phải thực hiện nghiêm túc Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Chủ động rà soát, đối chiếu các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến các quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành; bãi bỏ các quy định không phù hợp trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý, trọng tâm tập trung vào rà soát, lập danh mục các định mức, tiêu chuẩn, chế độ, định mức kinh tế - kỹ thuật còn thiếu hoặc không phù hợp trong các lĩnh vực chuyên ngành.

Đồng thời xử lý kịp thời, đầy đủ những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng NSNN trong quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách.

### **Điều 21. Thực hiện công khai tài chính, công khai tài sản nhà nước, báo cáo cung cấp thông tin tài chính**

Các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn NSNN, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn gốc từ NSNN và các khoản đóng góp của nhân dân phải thực hiện công khai tài chính, công khai tài sản, báo cáo cung cấp thông tin tài chính.

1. Các cấp ngân sách thực hiện công khai NSNN theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách. Bao gồm các nội dung sau:

- a) Dự toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân các cấp;
- b) Dự toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân quyết định;
- c) Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương trong năm (quý, 06 tháng, 09 tháng, năm);

d) Quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân các cấp phê chuẩn;

đ) Tổng hợp tình hình công khai.

2. Các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ thực hiện việc công bố công khai theo quy định tại các thông tư của Bộ Tài chính: số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được NSNN hỗ trợ.

3. Các cơ quan, đơn vị được sử dụng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn NSNN thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn NSNN.

4. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ có nguồn từ NSNN và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân thực hiện công khai theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11/3/2005 của Bộ Tài chính về việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ NSNN và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện công khai theo quy định tại Mục 2 Chương XIV Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Đối với các khoản hỗ trợ trực tiếp của nhà nước đối với cá nhân, dân cư việc công khai được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19/6/2006 của Bộ tài chính về hướng dẫn quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của NSNN đối với cá nhân dân cư.

7. Đẩy mạnh việc đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng những trường hợp trốn thuế, gian lận thuế, chây ì không nộp thuế đúng thời hạn theo quy định của Luật Quản lý thuế.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các Sở, ngành cấp tỉnh và các đơn vị dự toán cấp I, tổ chức được ngân sách hỗ trợ thực hiện công khai các nội dung liên quan trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc thực hiện bằng một số hình thức được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 của Luật NSNN đối với các đơn vị chưa có trang thông tin điện tử.

Đồng thời các cấp, các đơn vị sử dụng ngân sách phải thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện quy chế công khai và gửi cơ quan tài chính để tổng hợp theo dõi đánh giá chung trong tỉnh theo chế độ quy định.

9. Các cơ quan quản lý, đơn vị dự toán cấp 1 có trách nhiệm tổng hợp thông tin tài chính của đơn vị mình và các đơn vị cấp dưới để lập Báo cáo cung cấp thông tin tài chính và gửi Kho bạc Nhà nước theo đúng quy định tại Nghị định

25/2017/NĐ-CP ngày 14/03/2017 về Báo cáo tài chính Nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

**Điều 22. Công tác kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước**

Công tác kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường NSNN qua Kho bạc nhà nước được thực hiện theo đúng quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính: số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 về hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ NSNN qua Kho bạc nhà nước; Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 hướng dẫn chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước; Thông tư số 19/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước; số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016, số 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016; số 52/2018/TT-BTC ngày 24/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 và số 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn NSNN và các quy định hiện hành và Công văn số 12873/BTC-ĐT ngày 25/10/2019 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thanh toán vốn đầu tư cho nhiệm vụ quy hoạch;...

Trong quá trình thực hiện kiểm soát chi NSNN qua Kho bạc nhà nước, trường hợp đơn vị có vi phạm quy định về điều kiện chi NSNN thì Kho bạc nhà nước sẽ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước và Thông tư số 87/2019/TT-BTC ngày 19/12/2019 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kho bạc nhà nước.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 23. Điều khoản thi hành**

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

2. Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ các nội dung tại quy định này, các chế độ, chính sách hiện hành và điều kiện thực tiễn của địa phương, xây dựng phương án quản lý, điều hành ngân sách cụ thể của cấp ngân sách, của đơn vị. Quản lý, sử dụng có hiệu quả kinh phí, tài sản được giao, phục vụ có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra việc thực hiện phân bổ, giao dự toán và tổ chức triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2021 của cấp huyện đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN, Nghị quyết kỳ họp thứ 17 - Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Các cấp, các ngành tăng cường công tác tự kiểm tra; đẩy mạnh các hoạt động thanh tra tài chính nhằm kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh các sai phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản và thực hiện chế độ kế toán thống kê.

5. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị thụ hưởng NSNN trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai nghiêm túc các nội dung quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cấp, các ngành phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính tổng hợp) để xem xét, giải quyết kịp thời./.

*thư/Đm/*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Trung**